

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU
Bản án số: 17 /2021/HS-ST
Ngày 21/01/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Chín

2. Ông Hoàng Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 07/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Thái L ; tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/12/1990; Nơi sinh: thành phố L. C , tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Tổ 2, phường T. P , thành phố L. C , tỉnh Lai Châu;

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam;

Con ông: Bùi Hữu T - sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị A - sinh năm : 1968; Bị cáo có 02 anh, chị em ruột (bị cáo là con thứ nhất trong gia đình); Vợ bị cáo: Đỗ Thị T – sinh năm 1992; bị cáo có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự : Không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/5/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hà Kim TR ; tên gọi khác: không; sinh năm: 1988; Nơi sinh: Thành phố L. C , tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Thôn M , xã T. B. L , huyện V. C , tỉnh Yên Bái ;

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam;

Con ông: Hà Chí T - sinh năm: 1963 và bà Đỗ Thị L - sinh năm : 1962; Bị cáo có 02 anh, chị em ruột (bị cáo là con thứ hai trong gia đình); bị cáo có 2 vợ, vợ thứ nhất tên là : Đặng Hồng L – sinh năm 1983 (đã ly hôn); vợ thứ hai tên là : Vi Thị T – sinh năm 1985 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự : Không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/5/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Các bị cáo từ chối chỉ định người bào chữa, thực hiện quyền tự bào chữa.

* **Bị hại:** Công ty TNHHHDV và TM H. N

Địa chỉ: 528 Q . T , phường L. K, quận H. Đ , thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật:

Anh Phạm Việt H¹ – chức vụ giám đốc Công ty TNHHHDV và TM H. N ; địa chỉ: Cụm 6, xã T. G , huyện P. T , Hà Nội. (vắng mặt có lý do).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Việt H :

Anh Phạm Quang M – sinh năm 1982

Trú tại: tổ 18, phường K. T , thành phố L. C , tỉnh Lào Cai (vắng mặt có lý do)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Mạnh H² – sinh năm 1997; Trú tại: thôn T. N , xã M S huyện P. T , tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

2. Anh Nguyễn Thanh S – sinh năm 1981

Trú tại: Tổ 12 phường Đ. K , thành phố L. C , tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

* **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Hai Phúc TH¹ - sinh năm 1991;Trú tại: bản N. L , phường Q. T , thành phố L. C , tỉnh L. C .(có mặt)

2. Chị Ngô Thị Thùy D¹, sinh năm 1985;Trú tại: Tổ 14 phường T. P, thành phố L. C , tỉnh Lai Châu. (vắng mặt có lý do)

3. Chị Đỗ Thị T – sinh năm 1992; Trú tại Tổ 2, phường T. P , thành phố L C, tỉnh Lai Châu (có mặt)

4. Anh Bùi Văn D² , sinh năm 1987; Trú tại: Tổ 1 phường T. P , thành phố L C , tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

5. Anh Bùi Đức TH² – sinh năm 1991;Trú tại: Tổ 3, phường Q. T , thành phố L. C , tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

6. Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1989;Trú tại: Tổ 12 phường Đ. K , thành phố L. C , tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

7. Anh Vương Trung H³ – sinh năm 1988; trú tại: Bản M , xã S T , thành phố L C , tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu tháng 12 năm 2019 Bùi Thái L gọi điện cho Phạm Quang M trú tại tổ 18, phường K . T , thành phố L. C , tỉnh Lào Cai là nhân viên Công ty TNHH DV và TM H. N để hỏi thuê xe ô tô phục vụ việc đi lại cá nhân.

Ngày 8/12/2019 L đi từ thành phố Lai Châu đến thành phố Lào Cai làm hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, BKS 30 F -06696 của M với giá thuê 1.000.000 đồng / ngày và trả trước cho anh M số tiền 4.500.000 đồng. Trong quá trình đi lại L làm hỏng xe nên mang xe đi sửa tại xưởng sửa chữa xe ô tô của anh Trần Xuân D , trú tại tổ 25, phường Đ. P , thành phố L. C . Do không có tiền để trả tiền sửa xe nên L đã hỏi vay anh Hoàng Mạnh H² 30.000.000 đồng (trước đó L có vay H² 10.000.000 đồng, tổng số tiền L vay H² là 40.000.000 đồng) L nói với H² chiếc xe ô tô mang BKS 30 F - 06696 là xe của L để H² cho L vay tiền, sửa xe xong L gọi H² lấy xe về để làm tin, H² bảo L đem xe gửi tại nhà của anh Nguyễn Hai Phúc TH¹ .

Do cần tiền để trả nợ và để chi tiêu cá nhân, nên L nảy sinh ý định mang xe ô tô thuê được đem đi cầm cố. L đã dùng tài khoản Fecebook “ Bùi Long” nhắn tin đến tài khoản “ Hoàng cá chép” của Hà Kim TR , nói cho TR biết L đã thuê xe ô tô của M và bàn với TR mang xe này đi cầm cố, muốn cầm cố được giá cao thì cần có giấy đăng ký xe mang tên chính chủ vì vậy phải làm giả giấy đăng ký xe mang tên của Hà Kim TR . TR đồng ý rồi lên mạng tìm được chủ tài khoản Fecebook “ Lâm Tây Trang”; Trọng nhắn tin đặt vấn đề thuê làm giả giấy đăng ký xe ô tô, chủ tài khoản Fecebook “ Lâm Tây Trang” đồng ý làm giả đăng ký xe ô tô với giá 3.000.000 đồng. TR thông báo cho L , L nhất trí; sau đó L chụp ảnh giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô mang BKS 30 F - 06696 gửi cho TR để làm giả giấy đăng ký xe và nhờ Bùi Văn D² chuyển khoản cho TR 3.000.000 đồng để thanh toán tiền làm giả giấy tờ xe.

Ngày 13/12/2019 TR nhận được giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên Hà Kim TR từ dịch vụ chuyển phát nhanh và đã thanh toán 3.000.000 đồng cho nhân viên chuyển phát. Ngày 14/12/2019 TR lên Lai Châu gặp L và hai người bạn, thống nhất việc lấy xe ô tô BKS 30 F- 06696 mang đi cầm cố.

Ngày 15/12/2019, L gọi điện cho H² lấy xe ô tô mang đi cầm cố để lấy tiền trả cho H². H² nhất trí và nhờ TH¹ đi cùng để lấy tiền cho H². L gọi điện cho chị Ngô Thị Thùy D¹ đặt vấn đề cầm cố xe ô tô, nhưng chị D¹ không biết

xem xe nên cho L số điện thoại của anh Nguyễn Thanh S và bảo L gọi điện để trao đổi. L gọi điện cho S, thì S đồng ý, L và TR đến nhà TH¹ để lấy xe ô tô. Sau đó TH¹ điều khiển xe ô tô mang BKS 30 F- 06696 chở L và TR đi ra hiệu cầm đồ của S. Đến nhà S, TR và TH¹ đứng ngoài còn L vào đặt vấn đề và thống nhất với S về việc cầm cố xe ô tô và đưa cho S một giấy đăng ký ô tô mang tên Hà Kim T. S kiểm tra và đồng ý cho L và TR cầm cố xe ô tô với số tiền 150.000.000 đồng. Thống nhất xong L gọi TR vào trong quán làm hợp đồng cầm cố tài sản với S và bảo S chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản của TH¹. Do S không đủ tiền trong tài khoản ngân hàng nên nhờ D² chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản của TH¹.

Sau khi nhận tiền, L và TR để lại xe ô tô BKS 30 F- 06696 cho S và cùng TH¹ đi về. TH¹ giữ lại 40.000.000 đồng để trả cho H², chuyển khoản 100.000.000 đồng vào số tài khoản của Đỗ Thị T là vợ của L (tài khoản của T do L sử dụng) và đưa 10.000.000 đồng cho TR.

L đã chuyển khoản 16.500.000 đồng cho Vương Trung H³ để trả tiền mua chiếc điện thoại Iphone Xsmax. Số tiền còn lại L trả 5.000.000 đồng cho Nguyễn Thị B và chuyển trả 20.000.000 đồng (là số tiền L nợ trước đó) cho anh Bùi Đức TH² qua tài khoản của vợ TH² là Nguyễn Thị H⁴, L đưa thêm cho TR 3.000.000 đồng, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân hết.

Bản Kết luận giám định: số 48/KLGD – TL ngày 22/01/2020 của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: Chứng nhận xe ô tô số 436904 mang tên chủ xe Hà Kim TR, biển số đăng ký 30 F- 06696 có chữ ký mang tên Đinh Thanh Thảo – Phó trưởng phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố Hà Nội, ký ngày 30/2/2018 là chứng nhận đăng ký xe giả.

Bản Kết luận định giá tài sản : số 01/KLĐG ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự - UBND thành phố Lai Châu, kết luận: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30 F- 06696; nhãn hiệu MAZDA số loại: 6 xuất xưởng ngày 27/12/2017 tính đến ngày 15/12/2019 còn lại 79% giá trị sử dụng có giá trị còn lại là: 995.400.000 đồng x 79% = 786.366.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS – P1 ngày 13/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Bùi Thái L và Hà Kim TR về các tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại khoản 4, điều 175 bộ luật hình sự và “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức ” theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã thực hiện như nội dung của bản cáo trạng. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Thái L và Hà Kim TR về các

tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” và “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại khoản 4, Điều 175; điều 17; điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Thái L từ 07 - 08 năm tù và xử phạt bị cáo Hà Kim TR từ 06 đến 07 năm về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”;

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 341, điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Bùi Thái L , Hà Kim TR từ 3 – 4 năm tù về tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội danh đối với bị cáo Bùi Thái L từ 10 đến 12 năm tù; bị cáo Hà Kim TR từ 09 đến 11 năm tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; lưu hồ sơ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Hà Kim TR, 01 USB lưu trữ đoạn ghi âm do Phạm Quang M cung cấp có nội dung nói chuyện giữa L và M;

Tịch thu bán hóa giá sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng của Bùi Thái L ;

Trả lại cho bị cáo Hà Kim TR 01 chứng minh thư nhân dân, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; Trả lại cho Bùi Thái L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max mặt trước màu đen, mặt sau màu ánh hồng.

Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S và gia đình các bị cáo đã thỏa thuận và thực hiện toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên không đề nghị Tòa giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Các bị cáo từ chối việc chỉ định Luật sư bào chữa, thực hiện quyền tự bào chữa: ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội không có ý kiến tranh luận với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa

không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời khai tại cơ quan điều tra; sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi của các bị cáo, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến tự bào chữa:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản Kết luận giám định, bản Kết luận định giá tài sản, Biên bản thu mẫu chữ ký, Biên bản thu giữ tài liệu đồ vật, Biên bản nhận dạng, vật chứng, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 8/12/2019 L đi từ thành phố Lai Châu đến thành phố Lào Cai làm hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 6, BKS 30 F -006696 của M với giá thuê 1.000.000 đồng / ngày. Sau khi có được xe ô tô, Bùi Thái L nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô cho cửa hiệu cầm đồ; L đã chủ động bàn bạc với bị cáo Hà Kim TR về việc cầm cố và thống nhất đặt làm giả 01 Giấy đăng ký xe ô tô mang tên Hà Kim TR. TR truy cập mạng Internet thuê một người không rõ nhân thân, lai lịch làm giả giấy đăng ký xe ô tô số 436904 mang tên Hà Kim TR với giá 3.000.000 đồng, sau đó cả hai thực hiện việc đem chiếc xe ô tô MAZDA 6 BKS 30 F- 06696 có trị giá 786.366.000 đồng đi cầm cố cho anh Nguyễn Thanh S để lấy số tiền là 150.000.000 đồng tiêu sài cho mục đích cá nhân.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản. Sau khi Bùi Thái L thuê được xem ô tô nhãn hiệu MAZDA 6, BKS 30 F -006696 từ anh Phạm Quang M , bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên bàn bạc với Hà Kim T , dùng thủ đoạn gian dối để cầm cố chiếc xe có trị giá 786.366.000 đồng cho cửa hiệu cầm đồ để lấy số tiền 150.000.000 đồng chia nhau tiêu sài cá nhân. Mặc dù các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo Long không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế sống phụ thuộc gia đình, biết rằng sau khi cầm cố xe ô tô không có điều kiện, khả năng để hoàn trả nhưng vẫn cùng Trọng thực hiện việc chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý trực tiếp;

Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4, Điều 175 Bộ luật hình sự.

Để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản các bị cáo thực hiện hành vi làm giấy tờ giả (Giấy đăng ký xe ô tô giả) để thực hiện hành vi trái pháp luật (thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng), hành vi của các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lí hành chính với lỗi cố ý trực tiếp nên đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố các bị cáo Bùi Thái L và Hà Kim T tại cáo trạng số 31/CT-VKS – P1 ngày 13/10/2020 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4, Điều 175 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Bùi Thái L và Hà Kim TR không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Thanh S trong vụ án (gia đình Bùi Thái L đã bồi thường 45.000.000 đồng cho người đại diện theo ủy quyền của bị hại Anh Phạm Quang M và 97.000.000 đồng cho cơ sở cầm đồ S. L ; gia đình bị cáo Hà Kim TR đã khắc phục hậu quả 13.000.000 đồng); đại diện bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên HĐXX áp dụng khoản 1 điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” cho các bị cáo. Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 cho các bị cáo về tội“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” .

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo TR là người thực hành, bị cáo TR biết rõ L đã thuê được xe ô tô và nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, làm giả giấy tờ nhưng vẫn tích cực tham gia với vai trò là người thực hành, bị cáo L là người đề xướng do vậy L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Hà Kim TR .

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/8 /2020, gia đình Bùi Thái L đã bồi thường 45.000.000 đồng cho bị hại anh Phạm Quang M và 97.000.000 đồng cho cơ sở cầm đồ S. L ; Ngày 17/8 /2020, gia đình bị cáo Hà Kim TR đã khắc phục bồi thường 13.000.000 cho cơ sở cầm đồ S. L. Chiếc xe ô tô đã được trả lại cho anh Phạm Quang M . Bị hại và người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Thanh S đã nhất trí về việc bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Số tiền 40.000.000 đồng anh H² đã nộp lại cho cơ quan điều tra xét thấy đây là khoản tiền do bị cáo Long có được từ số tiền của anh S (cửa hàng cầm đồ S. L) thông qua giao dịch cầm cố tài sản. Việc cầm cố tài sản của các bị cáo là trái pháp luật nhưng anh Sơn không biết, sau khi phát hiện Cơ quan công an đã thu hồi và trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho anh S là đúng với qui định của pháp luật. Còn số tiền L vay H 40.000.000 đồng trước đó là một giao dịch dân sự độc lập không liên quan đến vụ án hình sự đang giải quyết.

[6] Về vật chứng: Giấy chứng minh thư nhân dân số 045061990 mang tên Hà Kim TR trả lại cho bị cáo Hà Kim TR; đối với 01 giấy đăng ký xe ô tô số 436904 mang tên Hà Kim TR là giấy đăng ký giả, 01 USB lưu trữ đoạn ghi âm do Phạm Quang M cung cấp ngày 4/1/2020 có nội dung nói chuyện giữa L và M là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội nên lưu hồ sơ vụ án;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max mặt trước màu đen, mặt sau màu ánh hồng số IMEI: 357299092411005 do L mua của anh Vương Trung H³ với số tiền 16.500.000 đồng là số tiền do L cầm cố xe ô tô cho anh S mà có nhưng số tiền cầm cố đã được trả lại đầy đủ cho anh S nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho bị cáo Bùi Thái L .

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng số IMEI: 352027071447822, máy đã qua sử dụng của Bùi Thái L là phương tiện phạm tội nên tịch thu bán hóa giá sung quỹ Nhà nước; đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, máy đã qua sử dụng của Hà Kim TR là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Hà Kim TR.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử cần quyết định các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Hai Phúc TH¹, Hoàng Mạnh H², Ngô Thị Thùy D¹ , Nguyễn Thanh S là người đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô MAZDA 6, BKS 30F -

006696 hoặc có hành vi giúp cho Bùi Thái L và Hà Kim TR thực hiện hành vi cầm cố chiếc xe ô tô đều không biết do L, TR lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt nên không đề cập xử lý.

Đối với Vương Trung H³, Nguyễn Thị B, Bùi Đức TH³, Đỗ Thị T, Nguyễn Thị H⁴, Bùi Văn D² những người đã nhận tiền từ L hoặc giúp L thực hiện các giao dịch chuyển tiền qua tài khoản các nhân của mình nhưng không biết tiền đó là do các bị cáo phạm tội mà có nên không phải là đồng phạm.

Đối với chủ tài khoản Facebook “Lâm Tây Trang” là người đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 436904 cho Hà Kim TR. Kết quả điều tra không xác định được là ai nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 54, điều 58 Bộ luật Hình sự về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; điểm b khoản 3 Điều 341, điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Điều 47, Điều 55 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố: bị cáo Bùi Thái L và Hà Kim TR phạm các tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Xử phạt bị cáo Bùi Thái L : **08** (tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; **03** (ba) năm tù về tội: ““Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội danh đối với bị cáo Bùi Thái L là: **11** năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam 11/5/2020.

Xử phạt bị cáo Hà Kim TR: **07** (bảy) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; **03** (ba) năm tù về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội danh đối với bị cáo Hà Kim TR là: **10** năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam 15/5/2020.

2.Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Hà Kim TR: 01 Giấy chứng minh thư nhân dân số 045061990 mang tên Hà Kim TR; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số IMEI:356571083040030 cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho Bùi Thái L : 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max mặt trước màu đen, mặt sau màu ánh hồng số IMEI: 357299092411005 cũ, đã qua sử dụng.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu bàn giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 436904 mang tên Hà Kim TR ; 01 USB lưu trữ đoạn ghi âm do Phạm Quang M cung cấp ngày 4/1/2020 để lưu hồ sơ vụ án.

Tịch thu bán hóa giá sung công quỹ nhà nước; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng số IMEI: 352027071447822, máy đã qua sử dụng;

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Kim TR, Bùi Thái L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại; người đại diện theo ủy quyền của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKS nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; ĐDHP của bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Thi hành án;
- Trại tạm giam;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thái

THÀNH VIÊN HĐXX
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

